

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

Bản án số: 05/2019/DSPT

Ngày: 26-7-2019

“*Tranh chấp đòi nợ tiền*”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Thuấn

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Nguyên và Ông Trần Tỷ.

Thư ký ghi biên bản: Bà Nguyễn Thị Thu Loan – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Sáu - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 26 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 14/2019/TLPT-DS ngày 18 tháng 6 năm 2019 về việc “*Tranh chấp đòi nợ tiền*”. Do bản án Dân sự sơ thẩm số: 08/2019/DSST ngày 16/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 438/2019/QĐXX-PT ngày 09 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lầu Ái V.

Địa chỉ cũ: Thôn P II, xã V, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

Địa chỉ (mới): PCT, phường T, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Y J. Địa chỉ: 60 H, thôn P, phường Quang Trung, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

Người kháng cáo: Bà Y j là bị đơn.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Theo như án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- *Nguyên đơn chị Lầu Ái V trình bày:*

Do quen biết từ trước với nhau nên bà Y J có vay mượn tiền của chị V nhiều lần, mỗi lần vay số tiền bao nhiêu chị V đều viết một giấy mượn tiền với

số tiền tương ứng đã mượn và bà Y J, chị V ký tên xác nhận. Các giấy tờ vay tiền đều ghi rõ thời gian vay, thời hạn thanh toán khoản vay.

Tính từ ngày 10/02/2017 âm lịch (*tức ngày 07/3/2017 dương lịch*) đến ngày 16/9/2017 bà Y J đã vay tiền của chị Lầu Ái V, cụ thể: ngày 7/3/2017 dương lịch bà Y J vay số tiền 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*) và cam kết một tháng sau sẽ hoàn trả cho chị V; Ngày 16/2/2017 âm lịch bà Y J tiếp tục vay của chị V số tiền 20.000.000 đồng và cam kết trong một tháng sẽ trả cho chị V; Ngày 01/8/2017 bà Y J tiếp tục vay của chị Viên số tiền 233.300.000 đồng (*hai trăm ba mươi ba triệu, ba trăm nghìn đồng*) và cam kết ngày 01/12/2017 sẽ hoàn trả toàn bộ số tiền trên cho chị V; Ngày 02/8/2017 bà Y J vay tiếp số tiền 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*) và cam kết 30 ngày sau sẽ trả; ngày 06/9/2017 bà Y J tiếp tục vay số tiền 40.000.000 đồng (*bốn mươi triệu đồng*) hẹn một tuần sau sẽ trả và ngày 16/9/2017 bà Y J tiếp tục vay của bà V số tiền 20.000.000 đồng và cam kết 10 ngày sau sẽ trả. Nhưng đến nay bà Y J vẫn chưa trả được cho chị V bất kỳ số tiền nào.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, chị V yêu cầu Tòa án buộc bà Y J phải trả số tiền gốc của 06 lần vay là 393.300.000 đồng (*Ba trăm chín mươi ba triệu ba trăm ngàn đồng*) và không yêu cầu tính lãi đối với số tiền này.

- *Bị đơn bà Y J trình bày:*

Bà có quan hệ xã hội, làm ăn nên quen biết mẹ con bà Nguyễn Thị T, chị Lầu Ái V. Bà công nhận có vay các khoản tiền theo như đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn là đúng sự thật, nhưng những khoản tiền trên bà vay của bà Nguyễn Thị T chứ không phải vay của chị V và bà đã trả đầy đủ cho bà Nguyễn Thị T các khoản vay trên. Riêng khoản vay ngày 02/8/2017, bà đã trả được 19.000.000 đồng (*mười chín triệu đồng*), hiện tại còn nợ là 11.000.000 đồng (*Mười một triệu đồng*). Khoản vay ngày 01/8/2017 bà T bắt ép bà ký nhận vào khoản vay 233.300.000 (*Hai trăm ba mươi ba triệu ba trăm nghìn đồng*) chứ bà không nhận được số tiền nào. Hiện nay bà chỉ công nhận còn nợ bà T số tiền 11.000.000 (*Mười một triệu đồng*) và 7.000.000 (*bảy triệu đồng*) tiền lãi. Vậy bà chỉ đồng ý trả cho bà T số tiền là 18.000.000 (*Mười tám triệu đồng*).

Với nội dung trên, tại bản án Dân sự sơ thẩm số: 08/2019/DSST ngày 16/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 280; Điều 375 Bộ luật dân sự.

Xử: Chấp đơn khởi kiện về việc "*Tranh chấp đòi nợ tiền*" của nguyên đơn chị Lầu Ái V, đơn đề ngày 04-12-2018 và được thay đổi một phần nội dung yêu cầu khởi kiện trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa.

Buộc bà Y J phải trả cho chị Lầu Ái V số tiền là: 393.300.000 đồng (*ba trăm chín mươi ba triệu, ba trăm nghìn đồng*).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, về án phí, về hướng dẫn thi hành án dân sự và về quyền kháng cáo.

Ngày 28/05/2019, bị đơn bà Y J kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 08/7/2019, nguyên đơn chị Lầu Ái V và bị đơn bà Y J đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về toàn bộ nội dung vụ án, Tòa án tỉnh Kon Tum đã lập biên bản làm việc ghi nhận nội dung thỏa thuận của hai đương sự như sau: Bị đơn bà Y J phải trả cho nguyên đơn chị Lầu Ái V số tiền 250.000.000đ (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*), trả làm 02 lần: lần 01 vào ngày 15/7/2020 bị đơn bà Y J phải trả cho nguyên đơn chị Lầu Ái V số tiền 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*). Số tiền còn lại 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) đến ngày 15/01/2021 bà Y J phải trả hết cho chị Lầu Ái V. Bị đơn bà Y J đồng ý chịu toàn bộ số tiền án phí theo quy định của pháp luật là 12.500.000 đồng (*Mười hai triệu năm trăm ngàn đồng chẵn*).

Tại phiên tòa dân sự phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nội dung kháng cáo nhưng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, công nhận theo sự thỏa thuận về việc giải quyết vụ án của các bên.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Về tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Lầu Ái V và bị đơn bà Y J đã thỏa thuận với nhau về giải quyết toàn bộ nội dung vụ án là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận, sửa bản án sơ thẩm công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến tranh luận của các đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Y J được thực hiện đúng theo quy định tại Điều 272 của Bộ luật Tố tụng dân sự và được gửi đến Tòa án trong thời hạn quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ là các giấy vay tiền giữa nguyên đơn, bị đơn, lời trình bày của các đương sự, người làm chứng Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận đơn khởi kiện, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 393.300.000đ (*Ba trăm chín mươi ba triệu ba trăm nghìn đồng*) là có cơ sở. Tuy nhiên tại giấy vay nợ tiền ngày 06/9/2017 giữa Y J và Lâu Ái V ký còn có chữ ký của chồng bị đơn là A Ba L, nhưng cấp sơ thẩm chưa xác minh xem xét là có thiếu sót. Quá trình chuẩn bị xét xử, cấp phúc thẩm đã xác minh làm rõ nội dung này, thể hiện chồng của Y J là A D. Tại biên bản làm việc ngày 01/7/2019 (Bút lục 131) ông A D thừa nhận ông không phải tên A B, chữ ký và viết trong giấy vay nợ không phải do ông ký và viết, ông thừa nhận không biết gì việc vay mượn tiền làm ăn giữa vợ ông và chị V. Vợ ông cũng không sử dụng số tiền vay này vào mục đích chung cho gia đình, nên ông A D không liên quan gì đến việc vay mượn và ông A D cũng đề nghị Tòa án không đưa ông vào là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Như vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã không xem xét đến nội dung này, tuy nhiên cấp phúc thẩm đã làm rõ, việc không đưa ông A D vào tham gia là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là có cơ sở và cũng không ảnh hưởng gì đến việc giải quyết vụ án.

[2] Xét đơn kháng cáo của bà Y J đề ngày 28/05/2019 đề nghị hủy án sơ thẩm. Tuy nhiên trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm, giữa bà Y J và chị Lâu Ái V đã thống nhất và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, một lần nữa các bên đương sự cũng trình bày về toàn bộ nội dung vụ án, những vấn đề các bên đã thống nhất và tự nguyện thỏa thuận theo hướng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận sự thỏa thuận của các bên theo Biên bản làm việc ngày 08/7/2019, cụ thể: bị đơn bà Y J phải trả cho chị Lâu Ái V tổng số tiền còn nợ là 250.000.000đ (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*), trả thành 02 lần: lần 01 vào ngày 15/7/2020 bà Y J phải trả cho chị Lâu Ái V số tiền 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*), còn lại 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) đến ngày 15/01/2021 bà Y J phải trả hết cho chị Lâu Ái V.

Bị đơn bà Y J đồng ý chịu toàn bộ số tiền án phí của số tiền phải trả 250.000.000đ (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*) x 5% = 12.500.000 đồng (*Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng chẵn*).

Xét thấy, tại phiên tòa chị Lâu Ái V thừa nhận và đồng ý cho bà Y J nợ số tiền trên và thỏa thuận về thời gian trả nợ. Bị đơn bà Y J cam đoan bà sẽ chịu trách nhiệm trả tiền nợ cho chị Lâu Ái V như các bên đã cam kết. Việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận và sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 6, Điều 18, Điều 19, khoản 1 Điều 24, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị đơn bà Y J chịu toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền (250.000.000đ x 5%) = 12.500.000 đồng (*Mười hai triệu năm trăm ngàn đồng*).

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà Y J phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, vì Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về toàn bộ nội dung vụ án.

Hoàn trả lại cho chị Lâu Ái V 12.000.000 đồng (*Mười hai triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002438 ngày 10/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Kon Tum.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300; khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 280; Điều 375 Bộ luật dân sự 2015.

Xử: Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2019/DSST ngày 16/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, như sau: Bà Y J công nhận còn nợ của nguyên đơn chị Lâu Ái V tổng số tiền 250.000.000đ (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*) và phải trả thành 02 lần:

Lần 1: Vào ngày 15/7/2020 bị đơn bà Y J phải trả cho nguyên đơn chị Lâu Ái V số tiền 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*);

Lần 2: Vào ngày 15/01/2021 bà Y J phải trả hết số tiền còn lại là 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) cho chị Lâu Ái V.

Căn cứ Khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và chị Lâu Ái V có đơn yêu cầu thi hành án mà bà Y chậm trả số tiền nêu trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, cho đến khi thi hành xong số tiền trên.

Về án phí: Căn cứ Điều 144, Điều 147, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 18, Điều 19, khoản 1 Điều 24, Điều 26, khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Bà Y J phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), bà Y J đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2016/000320 ngày 11/06/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kon Tum.

- Bà Y J còn phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là $(250.000.000đ \times 5\%) = 12.500.000$ đồng (*Mười hai triệu năm trăm ngàn đồng*).

- Hoàn trả lại cho chị Lầu Ái V 12.000.000 đồng (*Mười hai triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2014 0002438 ngày 10/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Kon Tum.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án này có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (26/7/2019).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- TAND thành phố Kon Tum;
- Chi cục THADS thành phố Kon Tum;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Văn Thuận